

PHỤ LỤC

Mức giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 21/10/2025
của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá tối đa
I	Tàu cá cập cảng		
1	Tàu cá có chiều dài từ 6m đến dưới 12m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	40.000
2	Tàu cá có chiều dài từ 12m đến dưới 15m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	60.000
3	Tàu cá có chiều dài từ 15m đến dưới 24m	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	100.000
4	Tàu cá có chiều dài từ 24m trở lên	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	100.000
II	Phương tiện vận tải		
1	Xe có trọng tải dưới 1 tấn	đồng/lần vào, ra	10.000
2	Xe có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	đồng/lần vào, ra	15.000
3	Xe có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	đồng/lần vào, ra	30.000
4	Xe có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	đồng/lần vào, ra	40.000
5	Xe có trọng tải trên 10 tấn	đồng/lần vào, ra	50.000
III	Xe thô sơ (xe máy, xích lô, ba gác chở hàng)	đồng/lần vào, ra	2.000
IV	Hàng hóa qua cảng		
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	đồng/tấn	20.000
2	Dịch vụ nước đá qua Cảng	đồng/tấn	5.000
3	Hàng hóa khác	đồng/tấn	8.000
V	Giá dịch vụ sử dụng mặt bằng		
1	Loại có mái che		
-	Lô lại I	đồng/m ² /năm	451.000

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Giá tối đa
-	Lô còn lại	đồng/m ² /năm	401.000
2	Loại không có mái che		
-	Lô lại I	đồng/m ² /năm	120.000
-	Lô còn lại	đồng/m ² /năm	100.000
VI	Phương tiện vận tải đậu trong cảng		
1	Thời gian sử dụng 1 tháng		
-	Xe ô tô dưới 10 tấn	đồng/tháng	150.000
-	Xe ô tô trên 10 tấn	đồng/tháng	200.000
2	Thời gian sử dụng 2 ngày trở lên		
-	Xe ô tô dưới 10 tấn	đồng/2 ngày	10.000
-	Xe ô tô trên 10 tấn	đồng/2 ngày	15.000